

Số: 780/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp Văn hóa
cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp
khóa 15 TCT, 16 TCT**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐT&BXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-LTT ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-LTT-ĐT ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp Văn hóa cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 15 TCT, 16 TCT;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp Văn hóa cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 15 TCT, 16 TCT ngày 03 tháng 8 năm 2017;

Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 158 học sinh khóa 2015 TCT và 2016 TCT đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp Văn hóa, cụ thể như sau:

1. Khóa 2015 TCT: 56 học sinh
2. Khóa 2016 TCT: 102 học sinh (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Học sinh được dự thi phải thực hiện theo đúng lịch thi và quy chế thi hiện hành.

Điều 3. Các học sinh còn nợ các khoản phí được dự thi tốt nghiệp Văn hóa. Học sinh không hoàn tất các khoản phí còn nợ sẽ không được công nhận kết quả thi tốt nghiệp Văn hóa.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Quyết định khác trái với Quyết định này không còn hiệu lực.

Điều 5. Các học sinh có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature]

Đinh Văn Đệ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



**DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP KHÓA 15 TCT, 16 TCT
ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP VĂN HÓA**

(Kèm theo Quyết định số **780/QĐ-LTT-ĐT** ngày **05** tháng 8 năm 2017
của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSHS	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
KHÓA 2015							
1	15003024	Huỳnh Đức	Anh	Nam	16/08/1997	15TCT-Đ	
2	15002466	Phạm Văn Tuấn	Anh	Nam	02/11/1994	15TCT-Đ	
3	15003423	Huỳnh Triều Hải	Dăng	Nam	21/09/1997	15TCT-Đ	
4	15000760	Lê Ngọc	Khang	Nam	25/05/1996	15TCT-Đ	
5	15001562	Nguyễn Huỳnh	Nhạc	Nam	02/7/1997	15TCT-Đ	
6	15001331	Nguyễn Văn	Nhật	Nam	20/01/1997	15TCT-Đ	Được miễn thi môn Lý
7	15002687	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	11/02/1997	15TCT-Đ	
8	15002903	Dương Tiến	Sĩ	Nam	03/2/1997	15TCT-Đ	
9	15000917	Lê Nguyễn Hoàng	Sơn	Nam	03/9/1997	15TCT-Đ	
10	15001403	Trần Văn	Thi	Nam	15/04/1996	15TCT-Đ	
11	15003266	Trần Thế	Thiện	Nam	08/9/1996	15TCT-Đ	
12	15003285	Phạm Ngọc	Thống	Nam	28/08/1996	15TCT-Đ	
13	15001937	Nguyễn Văn	Thuật	Nam	21/11/1997	15TCT-Đ	Được miễn thi môn Hóa
14	15003437	Vũ Văn	Triển	Nam	01/2/1996	15TCT-Đ	

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
15	15000867	Nguyễn Thanh Vinh	Nam	18/10/1996	15TCT-Đ	
16	15003298	Võ Văn Cường	Nam	03/6/1997	15TCT-NL	
17	15002213	Lê Anh Tuấn Đạt	Nam	04/6/1997	15TCT-NL	
18	15001091	Nguyễn Đăng Hoàng Duy	Nam	27/09/1997	15TCT-NL	Được miễn thi môn Toán, Hóa
19	15000683	Nguyễn Lý Thái Duy	Nam	14/07/1996	15TCT-NL	
20	15002550	Lê Thành Hân	Nam	12/12/1997	15TCT-NL	
21	15000402	Lê Gia Huy	Nam	15/10/1997	15TCT-NL	
22	15001867	Nguyễn Tấn Phát	Nam	08/7/1997	15TCT-NL	
23	15002060	Lê Tấn Thành	Nam	22/08/1997	15TCT-NL	
24	15001251	Lê Văn Tươi	Nam	25/11/1994	15TCT-NL	
25	15000562	Bùi Quang Vinh	Nam	03/12/1997	15TCT-NL	
26	15002143	Lê Văn Hiền	Nam	01/6/1996	15TCT-CK	
27	15000754	Hà Triệu Ái Nhân	Nam	17/01/1997	15TCT-CK	Được miễn thi môn Hóa
28	15001885	Trần Hoàng Phước	Nam	20/03/1997	15TCT-CK	
29	15001315	Nguyễn Hữu Quân	Nam	29/9/1997	15TCT-CK	
30	15001550	Phạm Khánh Sang	Nam	29/09/1997	15TCT-CK	
31	15003248	Phạm Ngọc Sơn	Nam	11/11/1997	15TCT-CK	
32	15001598	Lê Xuân Tân	Nam	11/09/1995	15TCT-CK	
33	15001621	Nguyễn Phan Thắng	Nam	01/4/1997	15TCT-CK	
34	15002169	Nguyễn Cường Thịnh	Nam	20/12/1997	15TCT-CK	
35	15003425	Trần Đăng Tinh	Nam	21/09/1994	15TCT-CK	
36	15002309	Trần Thanh Tinh	Nam	26/04/1997	15TCT-CK	
37	15002323	Nguyễn Thành Trung	Nam	23/10/1996	15TCT-CK	

STT	MSHS	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
38	15002827	Nguyễn Anh	Đạo	Nam	28/08/1997	15TCT-Ô	
39	15000619	Lê Hữu	Duy	Nam	14/01/1997	15TCT-Ô	
40	15002469	Nguyễn Trường	Giang	Nam	18/11/1996	15TCT-Ô	
41	15003418	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	23/05/1997	15TCT-Ô	Công nợ học lại
42	15001476	Nguyễn Tuấn	Hiệp	Nam	20/06/1996	15TCT-Ô	
43	15000897	Lưu Vũ Anh	Quốc	Nam	07/11/1997	15TCT-Ô	
44	15002142	Châu Dị	Sang	Nam	04/4/1996	15TCT-Ô	Được miễn thi môn Hóa
45	15003354	Bùi Văn Tấn	Tài	Nam	03/4/1997	15TCT-Ô	
46	15000845	Phan Trọng	Thệ	Nam	16/07/1996	15TCT-Ô	Công nợ học lại
47	15001632	Lê Tấn	Tiến	Nam	05/7/1996	15TCT-Ô	
48	15000668	Trần Ngọc	Tiến	Nam	28/11/1997	15TCT-Ô	
49	15000941	Bùi Hữu	Toàn	Nam	21/04/1997	15TCT-Ô	
50	15002584	Trần Thiện	Dũng	Nam	29/07/1995	15TCT-QTM	
51	15002747	Phạm Ngọc Gia	Phú	Nam	15/10/1996	15TCT-QTM	
52	15003265	Sử Khắc	Thông	Nam	11/07/1992	15TCT-QTM	
53	15001782	TDESCATAMIENTO	Tuấn	Nam	22/02/1996	15TCT-QTM	
54	15003347	Bùi Thị Kim	Nhung	Nữ	26/07/1997	15TCT-MTT	
55	15000585	Nguyễn Thị Ái	Thắm	Nữ	09/9/1997	15TCT-MTT	
56	15003375	Trần Nguyễn Xuân	Thảo	Nữ	03/7/1997	15TCT-MTT	

STT	MSHS	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
KHÓA 2016							
57	16000745	Nguyễn Hoài	Bảo	Nam	29/03/1997	16TCT-Đ	
58	16000495	Trần Tất	Đại	Nam	28/05/1997	16TCT-Đ	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại
59	16003316	Bùi Hồng	Doanh	Nam	02/6/1998	16TCT-Đ	Công nợ học lại
60	16003184	Trần Nhựt	Duy	Nam	16/12/1998	16TCT-Đ	Công nợ học lại
61	16003252	Đỗ Văn	Hà	Nam	21/04/1996	16TCT-Đ	
62	16003424	Hồ Hồng	Hải	Nam	06/4/1998	16TCT-Đ	Công nợ học lại
63	16003296	Lê Ngọc	Hải	Nam	15/11/1998	16TCT-Đ	Công nợ học lại
64	16001877	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	28/10/1998	16TCT-Đ	Công nợ học lại
65	16001472	Nguyễn Công	Hạo	Nam	10/04/1998	16TCT-Đ	Công nợ học lại
66	16002822	Nguyễn Huỳnh Nhật	Hòa	Nam	29/06/1998	16TCT-Đ	Công nợ học lại
67	16002211	Nguyễn Văn Quốc	Hoàng	Nam	27/08/1998	16TCT-Đ	
68	16000649	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	24/05/1998	16TCT-Đ	Công nợ học lại
69	16000352	Thái Gia	Hưng	Nam	17/11/1997	16TCT-Đ	
70	16002453	Lê Hùng Minh	Huy	Nam	09/6/1996	16TCT-Đ	Công nợ học lại
71	16002108	Trần Đoàn Quang	Huy	Nam	01/1/1997	16TCT-Đ	Công nợ học lại
72	16003453	Vi Đình	Khải	Nam	23/03/1997	16TCT-Đ	
73	16002718	Đặng Nhật	Khánh	Nam	21/09/1998	16TCT-Đ	
74	16000675	Trần Quốc	Khánh	Nam	09/5/1998	16TCT-Đ	Công nợ học lại
75	16001134	Nguyễn Tiến	Lợi	Nam	13/03/1997	16TCT-Đ	Công nợ học lại
76	16001271	Phạm Hoàng	Long	Nam	12/05/1998	16TCT-Đ	
77	16003330	Võ Hoàng	Luân	Nam	21/09/1995	16TCT-Đ	

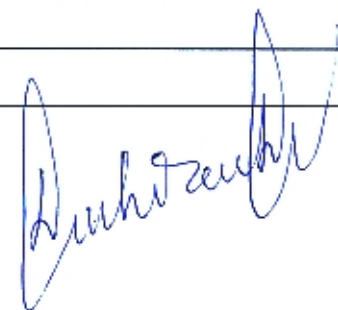
STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
78	16003442	Nguyễn Mạnh	Nam	09/10/1998	16TCT-Đ	Công nợ học lại
79	16002207	Nguyễn Đức Phát	Nam	29/03/1998	16TCT-Đ	
80	16003655	Cao Hồng Phúc	Nam	24/03/1996	16TCT-Đ	
81	16003581	Phạm Văn Phúc	Nam	24/12/1996	16TCT-Đ	Công nợ học lại
82	16002467	Đoàn Hữu Tài	Nam	04/4/1998	16TCT-Đ	Công nợ học lại, được miễn thi môn Lý
83	16002452	Huỳnh Minh Tâm	Nam	01/9/1998	16TCT-Đ	Công nợ học lại
84	16002984	Nguyễn Thanh Tâm	Nam	21/09/1998	16TCT-Đ	
85	16001799	Nguyễn Ngọc Thành	Nam	18/11/1998	16TCT-Đ	
86	16003477	Nguyễn Đình Thi	Nam	14/04/1998	16TCT-Đ	Công nợ học lại
87	16000923	Huỳnh Bá Thuận	Nam	15/02/1998	16TCT-Đ	Công nợ học lại
88	16003117	Trần Nguyên Chí Tiến	Nam	02/3/1998	16TCT-Đ	Công nợ học lại
89	16001848	Nguyễn Trần Đăng Trung	Nam	08/12/1992	16TCT-Đ	
90	16003658	Nguyễn Hữu Chi	Nam	27/08/1998	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại
91	16003651	Cao Thế Công Dân	Nam	30/07/1998	16TCT-Ô1	
92	16001610	Nguyễn Huỳnh Đức	Nam	26/08/1998	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại
93	16001300	Đào Ngọc Duy	Nam	25/09/1997	16TCT-Ô1	
94	16001579	Nguyễn An Giang	Nam	06/1/1998	16TCT-Ô1	
95	16003202	Nguyễn Lưu Trường Giang	Nam	25/03/1997	16TCT-Ô1	Công nợ học lại
96	16003500	Lữ Tuấn Hào	Nam	24/12/1998	16TCT-Ô1	
97	16003653	Nguyễn Anh Hào	Nam	12/08/1996	16TCT-Ô1	
98	16002681	Nguyễn Thái Hòa	Nam	06/10/1998	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại
99	16000677	Nguyễn Hoàng	Nam	06/1/1998	16TCT-Ô1	

STT	MSHS	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
100	16003385	Nguyễn Tiến	Huy	Nam	25/08/1998	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại
101	16002753	Nguyễn Đình	Khánh	Nam	17/09/1998	16TCT-Ô1	
102	16002801	Nguyễn Hoàng	Linh	Nam	28/02/1998	16TCT-Ô1	
103	16000642	Nguyễn Đức	Lộc	Nam	19/01/1998	16TCT-Ô1	
104	16000682	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	10/08/1997	16TCT-Ô1	
105	16003580	Nguyễn Đắc	Mạnh	Nam	03/4/1998	16TCT-Ô1	
106	16003049	Lê Ngọc	Nhân	Nam	20/04/1996	16TCT-Ô1	
107	16001371	Nguyễn Hiệp	Phong	Nam	12/01/1998	16TCT-Ô1	
108	16003483	Dương Nhất	Phúc	Nam	20/09/1998	16TCT-Ô1	
109	16002930	Nguyễn Anh	Phước	Nam	25/12/1997	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại
110	16000736	Nguyễn Hoàng	Sang	Nam	11/08/1998	16TCT-Ô1	Công nợ học lại
111	16002756	Nguyễn Tấn	Sang	Nam	15/05/1998	16TCT-Ô1	
112	16001137	Dương Xuân	Thắng	Nam	07/5/1996	16TCT-Ô1	
113	16000660	Nguyễn Ngọc	Tiến	Nam	12/05/1998	16TCT-Ô1	
114	16003028	Lê Nhật	Tin	Nam	08/7/1997	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại
115	16001243	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	09/10/1997	16TCT-Ô1	
116	16003592	Vũ Thiên	Cát	Nam	04/11/1998	16TCT-Ô2	
117	16003540	Phan Văn	Công	Nam	23/03/1997	16TCT-Ô2	Công nợ học lại
118	16003896	Nguyễn Quân	Đạt	Nam	02/3/1997	16TCT-Ô2	
119	16003903	Dương Trọng	Hiệp	Nam	03/6/1997	16TCT-Ô2	
120	16002438	Trần Trọng Minh	Luân	Nam	05/3/1998	16TCT-Ô2	
121	16000712	Phùng	Nguyễn	Nam	03/5/1998	16TCT-Ô2	

STT	MSHS	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
122	16002729	Trần Dâu	Phát	Nam	07/4/1998	16TCT-Ô2	
123	16001891	Thi Đức	Quang	Nam	30/01/1998	16TCT-Ô2	
124	16001564	Võ Ngọc	Quý	Nam	04/12/1998	16TCT-Ô2	
125	16003796	Cái Nguyễn Tấn	Sang	Nam	26/02/1997	16TCT-Ô2	
126	16001574	Phạm Thành	Tân	Nam	22/02/1998	16TCT-Ô2	Công nợ học lại
127	16000943	Trương Vĩnh Nhật	Tân	Nam	04/1/1997	16TCT-Ô2	
128	16000926	Võ Minh	Tân	Nam	04/3/1998	16TCT-Ô2	
129	16003792	Bùi Văn	Thi	Nam	25/10/1998	16TCT-Ô2	
130	16000726	Nguyễn Trung	Thứ	Nam	12/11/1996	16TCT-Ô2	Công nợ học lại
131	16002018	Phạm	Tiến	Nam	12/12/1996	16TCT-Ô2	
132	16001651	Trịnh Văn	Tiến	Nam	20/12/1997	16TCT-Ô2	Công nợ học lại
133	16001151	Nguyễn Văn	Tròn	Nam	02/5/1998	16TCT-Ô2	
134	16002964	Trương Anh	Tú	Nam	17/11/1997	16TCT-Ô2	
135	16001419	Huỳnh Tuấn	Anh	Nam	08/11/1998	16TCT-QTM	
136	16002744	Nguyễn Hoàng Quốc	Cường	Nam	18/05/1998	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại
137	16001348	Nguyễn Quốc	Cường	Nam	07/7/1997	16TCT-QTM	
138	16001686	Lư Tấn	Đạt	Nam	31/01/1997	16TCT-QTM	
139	16002331	Phạm Thanh Kỳ	Duyên	Nữ	12/11/1996	16TCT-QTM	
140	16001748	Lê Thanh	Hào	Nam	10/01/1998	16TCT-QTM	
141	16003056	Trương Hữu	Hậu	Nam	06/5/1998	16TCT-QTM	Công nợ học lại
142	16001664	Lê Gia	Huy	Nam	22/09/1998	16TCT-QTM	Công nợ học lại
143	16000665	Phạm Tuấn	Khải	Nam	01/1/1997	16TCT-QTM	

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
144	16003065	Phạm Thị Linh	Nữ	28/04/1998	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại
145	16002255	Lê Huỳnh Bá Lộc	Nam	13/08/1998	16TCT-QTM	
146	16002544	Nguyễn Thanh Bảo Mi	Nữ	20/08/1998	16TCT-QTM	Công nợ học lại
147	16002608	Lê Khải Minh	Nam	12/08/1998	16TCT-QTM	Công nợ học lại
148	16003005	Võ Tấn Phát	Nam	25/03/1996	16TCT-QTM	Được miễn thi môn Hóa
149	16003854	Nguyễn Xuân Quang	Nam	08/7/1998	16TCT-QTM	
150	16003029	Lã Văn Sơn	Nam	06/7/1998	16TCT-QTM	
151	16003720	Nguyễn Minh Thái	Nam	11/09/1998	16TCT-QTM	Công nợ học lại
152	16001652	Nguyễn Châu Trường Thành	Nam	27/07/1998	16TCT-QTM	Công nợ học lại
153	16003716	Trương Huỳnh Công Thịnh	Nam	19/12/1996	16TCT-QTM	
154	16000913	Quách Ngọc Tú Thương	Nữ	21/09/1996	16TCT-QTM	Công nợ học lại
155	16003215	Sử Thùy Trâm	Nữ	10/08/1998	16TCT-QTM	Công nợ học lại
156	16000622	Dương Khánh Trường	Nam	15/05/1998	16TCT-QTM	
157	16002762	Lê Thái Văn	Nam	26/09/1997	16TCT-QTM	
158	16003396	Nguyễn Tấn Vinh	Nam	13/11/1997	16TCT-QTM	Công nợ học lại

Tổng cộng danh sách có **158** học sinh. 



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2017

**DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP KHÓA 15 TCT, 16 TCT
KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP VĂN HÓA**

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
KHÓA 2015						
1	15002676	Nguyễn Văn	Chung	20/04/1996	15TCT-Đ	Không đạt điểm học phần: Toán, Hóa
2	15001655	Đặng Thanh	Duy	03/9/1997	15TCT-Đ	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Ngữ Văn
3	15000740	Nguyễn Tấn	Phúc	03/3/1997	15TCT-Đ	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Ngữ Văn
4	15001984	Lê Văn	Tiến	05/12/1997	15TCT-Đ	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Hóa
5	15002132	Võ Trung	Nhật	16/04/1997	15TCT-CK	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Ngữ Văn
6	15003073	Lương Thế	Khánh	07/12/1997	15TCT-Ô	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Lý, Hóa, Ngữ Văn
7	15001679	Đặng Tuấn	Kiệt	17/02/1997	15TCT-Ô	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Toán
8	15003238	Võ Thanh	Liêm	28/03/1997	15TCT-Ô	Không đạt điểm học phần Lý
9	15001253	Nguyễn Lê	Thường	19/04/1997	15TCT-Ô	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Hóa, Ngữ Văn
10	15001027	Nguyễn Huy Hoa	Tiên	11/11/1996	15TCT-Ô	Không đạt điểm học phần Toán
11	15000717	Nguyễn Trần Thanh	Tú	26/04/1997	15TCT-Ô	Không đạt điểm học phần Toán
12	15001049	Nguyễn Châu Nam	Dương	14/11/1997	15TCT-QTM	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Lý, Ngữ Văn

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
KHÓA 2016						
13	16003445	Nguyễn Nam	Anh	08/3/1998	16TCT-Đ	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Lý, Hóa, Ngữ Văn
14	16002677	Lý	Định	14/07/1998	16TCT-Đ	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Ngữ Văn
15	16003031	Ngô Văn Khánh	Duy	18/08/1997	16TCT-Đ	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Lý
16	16000696	Nguyễn Đức	Duy	10/08/1997	16TCT-Đ	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Ngữ Văn
17	16003295	Trương Khánh	Phát	01/10/1998	16TCT-Đ	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Ngữ Văn
18	16003210	Ngô Tấn	Phong	09/4/1998	16TCT-Đ	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Hóa, Ngữ Văn
19	16003563	Huỳnh Minh	Tâm	04/1/1997	16TCT-Đ	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Ngữ Văn
20	16001820	Trương Quang	Thọ	15/06/1997	16TCT-Đ	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Ngữ Văn
21	16001692	Nguyễn Trọng	Thuận	13/05/1998	16TCT-Đ	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Ngữ Văn
22	16003243	Huỳnh Công	Thương	01/12/1996	16TCT-Đ	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Ngữ Văn
23	16003848	Lê Đức	Anh	19/12/1997	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Toán
24	16003293	Hà Tiến	Đạt	10/06/1997	16TCT-Ô1	Không đạt điểm học phần Toán
25	16003634	Tô Thành	Đạt	08/11/1998	16TCT-Ô1	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Ngữ Văn
26	16001474	Nguyễn Thanh	Hiền	01/9/1998	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Ngữ Văn
27	16001847	Nguyễn Đăng	Khánh	11/03/1997	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Ngữ Văn
28	16000738	Ngô Minh	Lợi	19/04/1998	16TCT-Ô1	Không đạt điểm học phần Toán
29	16002649	Nguyễn Minh	Phát	23/06/1998	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Toán
30	16003501	Lê Minh	Quân	04/4/1997	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Toán
31	16002741	Nguyễn Thành	Quốc	25/12/1998	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Lý, Ngữ Văn
32	16003245	Lý Tiến	Tài	02/9/1998	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Hóa
33	16001497	Dương Việt	Toàn	02/8/1998	16TCT-Ô1	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Ngữ Văn
34	16003582	Bùi Văn	Tuấn	15/08/1997	16TCT-Ô1	Không đạt điểm học phần: Hóa, Ngữ Văn
35	16003687	Hồ Nhật	Tuyên	18/12/1997	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Toán
36	16002852	Võ Văn	Chiến	24/02/1997	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Lý, Ngữ Văn
37	16003804	Nguyễn Sĩ	Danh	20/01/1998	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Lý, Ngữ Văn

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
38	16001074	Phan Trần Nhật Duy	10/10/1998	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Lý, Hóa, Ngữ Văn
39	16002614	Trần Hoàng Duy	04/1/1998	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Lý, Hóa
40	16003030	Vũ Gia Hào	08/5/1998	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Lý, Hóa, Ngữ Văn
41	16003783	Tôn Thất Hoàng	11/02/1998	16TCT-Ô2	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Lý
42	16003423	Phan Võ Huy Hùng	21/10/1997	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Ngữ Văn
43	16001251	Phạm Đức Huy	21/09/1998	16TCT-Ô2	Không đạt điểm học phần: Toán, Lý, Hóa, Ngữ Văn
44	16000522	Phạm Lê Huy	06/2/1998	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Lý
45	16003377	Trương Quốc Khải	13/04/1998	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Ngữ Văn
46	16000737	Phạm Hoàng Lâm	09/10/1998	16TCT-Ô2	Không đạt điểm học phần Toán
47	16003829	Nguyễn Thành Luân	07/5/1997	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Lý, Hóa, Ngữ Văn
48	16001879	Vũ Minh Nhật	11/03/1998	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Hóa, Ngữ Văn
49	16003728	Đoàn Nguyễn Hoài Phương	15/04/1996	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Lý, Hóa
50	16003111	Nguyễn Văn Sáng	18/09/1997	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Lý
51	16003813	Nguyễn Hoàng Sơn	13/07/1997	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa; Không đạt điểm học phần Ngữ Văn
52	16000803	Phạm Thái Sơn	06/10/1996	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Ngữ Văn
53	16001810	Trần Huy Tài	04/3/1997	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Ngữ Văn
54	16002477	Phạm Chí Thiện	16/09/1998	16TCT-Ô2	Không đạt điểm học phần Ngữ Văn
55	16002917	Tạ Minh Tuấn	07/11/1998	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Lý,
56	16002868	Trần Ngọc Hằng	10/10/1997	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Lý, Ngữ Văn
57	16003855	Lê Thanh Huy	06/12/1997	16TCT-QTM	Không đạt điểm học phần Toán
58	16000777	Phan Trọng Nghĩa	09/6/1997	16TCT-QTM	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Hóa, Ngữ Văn
59	16001083	Trần Minh Phúc	18/05/1998	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Lý
60	16001132	Nguyễn Nhật Phương	28/12/1998	16TCT-QTM	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Lý, Hóa, Ngữ Văn
61	16001784	Lê Minh Quang	11/06/1998	16TCT-QTM	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần: Toán, Hóa, Ngữ Văn
62	16002421	Phạm Đăng Quang	12/03/1997	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Ngữ Văn

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
63	16003081	Trần Vĩnh Thành	28/10/1998	16TCT-QTM	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Toán
64	16003860	Trần Minh Thiện	30/03/1997	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Ngữ Văn
65	16002565	Huỳnh Minh Trí	19/09/1998	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Toán, Lý
66	16000617	Trần Minh Trí	27/05/1997	16TCT-QTM	Không đạt điểm học phần: Toán, Ngữ Văn
67	16001884	Nguyễn Hoàng Minh Triết	07/1/1998	16TCT-QTM	Công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Toán
68	16001448	Nguyễn Thái Trung	27/02/1998	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Lý, Ngữ Văn
69	16003083	Nguyễn Xuân Trường	27/03/1998	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Toán
70	16003843	Phạm Quang Văn	09/4/1998	16TCT-QTM	Không đạt điểm học phần Toán
71	16001975	Hoàng Anh Vy	31/01/1998	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Hóa
72	16003321	Bùi Quang Yên	06/11/1998	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, công nợ học lại; Không đạt điểm học phần Lý, Hóa

Tổng cộng danh sách có 72 học sinh.

KT. HIỆU TRƯỞNG 
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG

 ĐINH VĂN ĐỘ